

Medium

MODULO S3S MID

MODULOS3M

Giày th ể **thao an** **toàn** **siêu mái** oả

mái th ể **giày** **MODULO** **S3S** **MID** **MODULOS3M** tính năng an toàn thoáng khí, p **lót chống** **ESD** và ngón chân an toàn, v.v. Đ ư ợc làm t ừ **nguyên** **chất**.

Những vật liệu **cao** cấp hơn **nhỏ** sợ	
lót bên trong	i **3D tái** chế (100% tái chế)
trong	Đ ệm **chân SJ** làm từ **mút tái** chế (96% vật liệu **tái** chế)
iữa	đế g ệt chống thủ ng
ngoài	Đ BASF PU/BASF PU
u	Đứng đầ Nanocarbon
i	Loạ S3S / SR, SC, FO, CI, ESD
	Phạm **vi kích** thước EU 35-50 / UK 3.0-14.0 / US 3.0-15.0 JPN 21.5-33.0 / KOR 230-330
ng lượng t	**thép** 0.580 kg
ản hồi	**iêu** chu ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022+A1:2024 IS 15298 (Part 2): 2016



BLK



GRY



112



ản chay thu
Không ử dụ ng hoặc chứa bất kỳ ng vật



mũi chố ng **mài mòn (SC)**
Vật liệu che phủ mũi giày đã được thử nghiệm riêng hao mòn vật liệu trên (ví dụ: khi quỳ) và mở rộ ng giày an toàn



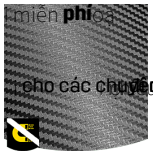
(SR)
Chống t dây SR/ESD/HRO. SR có nghĩa là phép thử ướt theo tiêu chuẩn giày. Chúng tôi thử nghiệm giày an toàn **tiêu** **chuẩn** và đã



hấp thụ **gót chân**
Sự hấp thụ năng lượng ở gót chân **tâm** i ảm thiểu lực khi đi bộ hoặc chạy lên cơ **siêu** **linh** **hoạt** thể ng



Trọng lượng nhẹ chống **đâm** thủng
Đ chống đâm thủng. Bao phủ 100% này. **không** **tấm** **kim** nhẹ của này không gây ẩu nhiệt



miễn **phí** oả
cho các chuyên **giao** **hàng** **giày**.

Kim |
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng

Công nghiệp n:

Biên t ập , lĩnh vự c ô tô, phục vụ ăn uố ạnh g, Ngành công n ghiệp , hậ

ường: **Môi** t

rư ờn **môi** khô, Bề mặt cự c mị n ờn, **môi** ẩm ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phẳng cách xa nhiệt độ cao

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật liệu sợ **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng hấp thụ nước	? 0.8	8.20		ờ	mg/cm/g
	Top: hi nước	? 15	68			mg/cm2
ót bên trong	i **3D tái** ch ế **(100% tái** ch ế)					
	L ớp **lót:** hấp thụ nước	? 2	60.62		ờ	mg/cm/g
	lót: hi nước	? 20	485			mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
	ệ m chân Đ	ch ố n g mài mòn (khô/ ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles		chu kỳ
goài	Đ	**BASF PU/BASF PU**				
	Ch ố n g mài mòn (	)	? 150	127mm³ (Density:1.09g/cm³)		mm
	Chư ố ượ c gót bàn - Ceramic + NaLS - Trư ớ gót ướ phía t		? 0.31	0.33		ma sát
	rư Cộ ố ả G ố m + NaLS - Trư ớ lùi ướ phía t		? 0.36	0.42		ma sát
	rư Cộ SR G ố m + Glycerin - Trư ớ gót phía t		? 0.19	0.22		ma sát
	Chư ố ượ SR G ố m + Glycerin - Trư ớ ướ phía t		? 0.22	0.25		ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n		0.1 - 1000	31.5		megaohm
	ị ESD Giá t		0.1 - 100	21		megaohm
	Hấp thụ năng l ượ gót chân củ		? 20	31		J
Đ ứ n g đầ	**Nanocarbon**					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)		N/A	N/A		mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)		N/A	N/A		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)		? 14	15.5		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)		? 14	21.0		mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi không có thể thay đổi. Safety Jogger là nhãn hiệu đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Đ

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO** phát thả					
	V ật l iệu		7.07		kg
	Bao bì		0.13		kg
ất	Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			9.36 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l	Tiệ **tái** ch ế			
	Product		11%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
Các giá trị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán trực tuyến và có thể thay đổi.